

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ đối với người có công với cách mạng
về nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 16 tháng 7 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở;

Căn cứ Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 25 tháng 7 năm 2017, Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với người có công với cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26 tháng 4 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Xét Tờ trình số 5456/TTr-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Quy định mức hỗ trợ đối với người có công với cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức hỗ trợ đối với người có công cách mạng về nhà ở trên địa bàn tỉnh Quảng Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Hộ gia đình được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này phải có đủ các điều kiện sau:

1. Là hộ gia đình có người có công với cách mạng đã được cơ quan có thẩm quyền công nhận, bao gồm:

a) Người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945.

b) Người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

- c) Thân nhân liệt sỹ.
 - d) Bà mẹ Việt Nam anh hùng.
 - đ) Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân.
 - e) Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến.
 - g) Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.
 - h) Bệnh binh.
 - i) Người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.
 - k) Người hoạt động cách mạng, hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.
 - l) Người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.
 - m) Người có công giúp đỡ cách mạng.
2. Đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú trước ngày có hiệu lực của Nghị quyết này tại nhà ở mà nhà ở đó có một trong các điều kiện sau:
- a) Nhà ở bị hư hỏng nặng phải phá đi xây dựng lại nhà ở mới tại vị trí nhà đang ở.
 - b) Nhà ở bị hư hỏng, đột nát cần phải sửa chữa phần khung, tường và thay mới mái nhà.
3. Việc xây dựng nhà ở phải được thực hiện trên nền diện tích nhà ở mà người có công đang ở. Trong trường hợp bất khả kháng không thể xây dựng trên phần diện tích này, người có công được phép xây dựng trên phần diện tích đất ở hợp pháp tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Các trường hợp bất khả kháng được quy định cụ thể như sau:
- a) Nhà ở tại khu vực có nguy cơ sạt lở nhưng chưa được hỗ trợ bằng các chương trình hỗ trợ di dời nhà ở, tái định cư.
 - b) Đối tượng người có công là người già, người khuyết tật có nhu cầu ở gần người thân để được chăm sóc, phụng dưỡng.
4. Các trường hợp người có công với cách mạng đảm bảo các quy định tại Nghị quyết này đã được các huyện, thị xã, thành phố lập danh sách đề nghị thực hiện theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ nhưng không nằm trong danh sách được Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội thẩm tra thời điểm tháng 10/2016 và chưa được Trung ương chấp thuận bổ sung, đã tự ứng kinh phí để thực hiện cải thiện nhà ở. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết về thành phần hồ sơ, quy trình thực hiện đối với các trường hợp này.
5. Các trường hợp người có công với cách mạng đảm bảo các quy định tại Nghị quyết này và được phê duyệt thực hiện theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa thực hiện cải thiện nhà ở trong giai đoạn 2013-2019.
6. Các hộ gia đình đã được các tổ chức, cá nhân hỗ trợ để xây dựng, sửa chữa nhà ở (trừ các trường hợp nêu tại khoản 7 Điều này), tại thời điểm thực hiện hỗ trợ nhà ở đáp ứng quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này.
7. Những trường hợp đã được hỗ trợ theo các chương trình khác không được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này:

a) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 1776/QĐ-TTg ngày 21/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình bố trí dân cư các vùng: Thiên tai, đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, di cư tự do, khu rừng đặc dụng giai đoạn 2013 - 2015 và định hướng đến năm 2020.

b) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở.

c) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 716/QĐ-TTg ngày 14/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thí điểm giải pháp hỗ trợ hộ nghèo nâng cao điều kiện an toàn chỗ ở, ứng phó với lũ, lụt vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung.

d) Hộ thuộc diện được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 48/2014/QĐ-TTg ngày 28/8/2014 của Thủ tướng Chính phủ về Chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở phòng tránh bão, lụt khu vực miền Trung.

e) Hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015.

Điều 3. Số lượng nhà ở được hỗ trợ

1. Dự kiến việc hỗ trợ được thực hiện trong 03 năm 2019 - 2021 với tổng số nhà ở tạm tính là 12.734 nhà (xây mới: 3.950 nhà, sửa chữa: 8.784 nhà).

2. Triển khai thực hiện trong năm 2019-2020 với số lượng 10.869 nhà. Ưu tiên giải quyết những trường hợp đã làm nhà do quá xuống cấp, những trường hợp trong danh sách được hỗ trợ theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg ngày 26/4/2013 của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa thực hiện kịp theo thời gian quy định của Chính phủ và các đối tượng hiện nay đã đủ điều kiện, đang có nhu cầu bức thiết về nhà ở; số còn lại thực hiện hoàn thành trong năm 2021.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ

1. Hỗ trợ 40 triệu đồng/hộ đối với trường hợp nhà ở bị hư hỏng nặng phải phá đi xây dựng lại nhà ở mới tại vị trí nhà đang ở.

2. Hỗ trợ 20 triệu đồng/hộ đối với trường hợp nhà ở bị hư hỏng, dột nát cần phải sửa chữa phần khung, tường và thay mới mái nhà.

Điều 5. Kinh phí và nguồn vốn thực hiện

1. Tổng kinh phí thực hiện: Dự kiến khoảng 335 tỷ đồng, trong đó ngân sách tỉnh khoảng 286 tỷ đồng, ngân sách cấp huyện khoảng 49 tỷ đồng.

2. Nguồn vốn thực hiện: Vốn ngân sách tỉnh và vốn ngân sách cấp huyện hỗ trợ theo tỷ lệ như sau:

a) Đối với khu vực đồng bằng: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 90%, ngân sách cấp huyện hỗ trợ 10% theo mức quy định (các huyện: Đại Lộc, Duy Xuyên, Quế Sơn, Thăng Bình, Phú Ninh). Ngân sách tỉnh hỗ trợ 70%, ngân sách cấp huyện hỗ trợ 30% theo mức quy định (các huyện, thị xã, thành phố: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Núi Thành).

b) Đối với khu vực miền núi: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 95%, ngân sách cấp huyện hỗ trợ 5% theo mức quy định (các huyện: Hiệp Đức, Nông Sơn, Tiên Phước, Phước Sơn, Bắc Trà My, Nam Trà My, Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang).

c) Trường hợp các địa phương không có nguồn tăng thu, vượt thu ngân sách tỉnh bổ sung cân đối kịp thời để các địa phương hoàn thành việc hỗ trợ nhà ở cho người có công đúng tiến độ.

d) Ngoài mức hỗ trợ từ ngân sách tỉnh và ngân sách cấp huyện theo tỷ lệ nêu trên, ngân sách cấp huyện có thể bố trí thêm kinh phí hỗ trợ và huy động các nguồn vốn khác từ Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, gia đình, họ tộc và cộng đồng.

3. Kinh phí quản lý triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người có công với cách mạng về nhà ở theo Nghị quyết này với mức tối đa 0,5% tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ, trong đó:

a) Ngân sách cấp huyện bố trí kinh phí quản lý tối đa 0,45%.

b) Ngân sách cấp tỉnh bố trí kinh phí quản lý tối đa 0,05%.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết; chỉ đạo rà soát đối tượng, lập danh sách cụ thể ở từng địa phương trước khi triển khai thực hiện, trong đó nêu rõ đối tượng được xây mới, đối tượng được sửa chữa nhà ở; đồng thời báo cáo Thường trực HĐND tỉnh theo dõi, giám sát việc thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Nam khóa IX, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 03 tháng 10 năm 2019./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Chính phủ;
- Bộ Xây dựng;
- UBND tỉnh;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- VP: QH, CTN, CP;
- Ban CTĐB-UBND tỉnh;
- Ban TVTU, TT HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQVN, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh; ;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TTXVN tại Quảng Nam;
- Báo Quảng Nam, Đài PT-TH tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- VP HĐND tỉnh: CPVP, CV;
- Lưu: VT, TH (Hài).

CHỦ TỊCH



Ký bởi: Hội đồng
Nhân dân tỉnh
Email:
vphdnd@quangnam.gov.vn
Cơ quan: Tỉnh
Quảng Nam
Ngày ký: 16.10.2019
07:45:19 +07:00

Phan Việt Cường

Gửi
qua
trục
văn
bản
liên
thông

